

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH BÌNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 08 – 6 – 2020  
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia  
đình ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Văn Hồng Biên

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Quốc Trí

Ông Nguyễn Hoàng Minh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Xuân Nữ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 08 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 324/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2019 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Huỳnh Thị Hiệp H, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Số 114, ấp BD, xã BT, huyện TB, tỉnh ĐT.

Nơi cư trú: Số 160C, KDC3/2, phường AP, thị xã TA, tỉnh BD.

**- Bị đơn:** Anh Trần Thanh T, sinh năm 1977.

Địa chỉ cư trú: Số 114, ấp BD, xã BT, huyện TB, tỉnh ĐT.

Chị Huỳnh Thị Hiệp H có mặt tại phiên tòa, anh Trần Thanh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Hiệp H trình bày:*

Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Hiệp H và anh Trần Thanh T kết hôn năm 1997, có đăng ký kết hôn tại UBND xã BT, huyện TB, tỉnh ĐT vào ngày 30/12/2002. Hôn nhân giữa chị H và anh T được xây dựng trên cơ sở tự tìm hiểu.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh T thường xuyên đi nhậu. Chị H

đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng anh T không thay đổi. Chị H và anh T sống ly thân từ năm 2018 đến nay, khoảng thời gian sống ly thân vợ chồng có tìm cách hàn gắn tình cảm với nhau nhưng không thành.

Chị Huỳnh Thị Hiệp H yêu cầu ly hôn với anh Trần Thanh T.

Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung tên Trần Thái B, sinh ngày 10/7/1998 và Trần Tuấn K, sinh ngày 11/8/2005. Đối với Trần Thái B đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn chị H yêu cầu nuôi con chung tên Trần Tuấn K, sinh ngày 11/8/2005, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Thanh T không có Văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Trích lục kết hôn (Bản sao);
- Trích lục khai sinh Trần Tuấn K (Bản sao);
- Đơn xác nhận nơi cư trú của người bị kiện (Bản chính).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Hiệp H và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là “*V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Trần Thanh T cư trú tại ấp BD, xã BT, huyện TB, tỉnh DT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Trần Thanh T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Hiệp H yêu cầu được ly hôn với anh Trần Thanh T.

Xét thấy, chị H và anh T kết hôn vào năm 1997, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Thanh, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 30/12/2002, là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Xét thấy, trong quá trình chung sống, chị H và anh T bất đồng quan điểm

do anh T không quan tâm vợ con, thường xuyên đi nhậu. Vợ chồng ly thân từ năm 2018 đến nay, khoảng thời gian sống ly thân vợ chồng có hàn gắn tình cảm với nhau nhưng không thành. Như vậy, có cơ sở xác định hôn nhân giữa chị H và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị Huỳnh Thị Hiệp H yêu cầu được ly hôn với anh Trần Thanh T là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị H yêu cầu Trần Tuấn K, sinh ngày 11/8/2005, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, hiện nay chị H có công việc ổn định, có thu nhập hàng tháng đủ để đảm B việc nuôi con. Hơn nữa, theo Bản khai ngày 06/01/2020 của cháu K thể hiện, cháu K có nguyện vọng sống chung với chị H. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, anh T không có Văn bản ghi ý kiến yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung. Cho nên, giao Trần Tuấn K, sinh ngày 11/8/2005 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị H không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với con chung là Trần Thái B, sinh ngày 10/7/1998 đã trưởng thành, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H xác định về tài sản chung tự thỏa thuận. Mặt khác, anh T không có Văn bản ghi ý kiến yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H xác định về nợ chung là không có. Mặt khác, anh T không có Văn bản ghi ý kiến yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị H phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Hiệp H.

- Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Hiệp H được ly hôn với anh Trần Thanh T.
- Về con chung: Giao con chung tên Trần Tuấn K, sinh ngày 11/8/2005 cho chị Huỳnh Thị Hiệp H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi Tuấn K thành niên và có khả năng lao động, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị H không yêu cầu.

Chị H và anh T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Huỳnh Thị Hiệp H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BH/2018/00020/12/2019 ngày 20/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình. Như vậy, chị H đã nộp xong tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CC THA DS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã BT, huyện TB, tỉnh ĐT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

*(Đã ký)*

**Võ Văn Hồng Biên**